ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN
ĐẢNG ỦY CÁC CƠ QUAN ĐẢNG
*
Số: 732-CV/ĐU
V/v mời cung cấp báo giá xe ô tô phục vụ công tác chung

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 5 năm 2026

Kính gửi: Các đơn vị, tổ chức cung cấp xe ô tô.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu thực tế, Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh Thái Nguyên mời các đơn vị, tổ chức có năng lực tham gia báo giá xe ô tô phục vụ công tác chung cho Đảng uỷ các cơ quan Đảng tỉnh Thái Nguyên, với một số nội dung sau:

1. Tên loại hàng hóa: Xe ô tô 7 chỗ 2 cầu.

(Thông số chi tiết theo phụ lục đính kèm)

2. Mục đích báo giá: Làm cơ sở tham khảo xác định mức giá trần của hàng hóa để tiến hành mua sắm hàng hóa, dịch vụ theo quy định của Pháp luật hiện hành.

3. Thời điểm nhận báo giá: Trước ngày 02/6/2026.

4. Hàng hóa, dịch vụ báo giá đề nghị gửi về địa điểm sau:

Văn phòng, Đảng uỷ các cơ quan Đảng tỉnh Thái Nguyên

Địa chỉ: Số 28 - đường Phan Đình Phùng, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên.

Đảng uỷ các cơ quan Đảng tỉnh Thái Nguyên kính mời đơn vị quan tâm, tham gia thực hiện.

Nơi nhận:
- Như trên,
- Thường trực Đảng ủy (báo cáo),
- Đăng tải trên Trang thông tin điện tử của ĐU (đ/c Huệ);
- Lưu Văn phòng ĐU.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG ỦY CÁC CƠ QUAN ĐẢNG TỈNH
ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN

Hoàng Anh Trung

PHỤ LỤC
Thông số kỹ thuật của ô tô
(Theo Công văn số:732-CV/ĐU ngày 22/5/2026 của Đảng uỷ các cơ quan Đảng tỉnh Thái Nguyên)

TT	Nội dung	Thông số kỹ thuật
I.	**THÔNG SỐ TỔNG QUÁT**	
	XE MITSUBISHI PAJERO SPORT 4X4 AT - Xe ô tô 7 chỗ 2 cầu, Hộp số tự động 8 cấp - chế độ thể thao, 4x4, Động cơ Xăng, 6B31 MIVEC; Phun xăng đa điểm điều khiển điện tử, dung tích xi lanh 2.998 (cc), mới 100%. - Nhập khẩu Thái Lan - Năm sản xuất: 2024 trở về đây - Màu xe: Đen	
II.	**THÔNG SỐ CHI TIẾT**	
1	**KÍCH THƯỚC VÀ TRỌNG LƯỢNG**	
1.1	Kích thước tổng thể (Dài x Rộng x Cao)	4.840 x 1.815 x 1.835 (mm)
1.2	Khoảng cách hai cầu xe	2.800 (mm)
1.3	Khoảng cách hai bánh xe trước	1.520 (mm)
1.4	Khoảng cách hai bánh xe sau	1.515 (mm)
1.5	Bán kính quay vòng tối thiểu	5.600 (mm)
1.6	Khoảng sáng gầm xe	218 (mm)
1.7	Trọng lượng toàn tải	2.670 (kg)
2	**ĐỘNG CƠ**	
2.1	Loại động cơ	Xăng, 6B31 MIVEC
2.2	Hệ thống nhiên liệu	Phun xăng đa điểm điều khiển điện tử
2.3	Dung tích xylanh	2.998 (cc)
2.4	Công suất cực đại	210/6000 (PS/rpm)
2.5	Mômen xoắn cực đại	279/4000 (N.m/rpm)
3	**TRUYỀN ĐỘNG VÀ HỆ THỐNG TREO**	
3.1	Hộp số	Hộp số tự động 8 cấp - chế độ thể thao
3.2	Truyền động	Dẫn động 2 cầu Super Select 4WD II
3.3	Trợ lực lái	Trợ lực dầu
3.4	Hệ thống treo trước	Độc lập, tay nhún kép, lò xo cuộn với thanh cân bằng
3.5	Hệ thống treo sau	Lò xo liên kết 3 điểm với thanh cân bằng

TT	Nội dung	Thông số kỹ thuật
3.6	Kích thước lốp xe trước/sau	265/60R18
3.7	Phanh trước	Đĩa thông gió
3.8	Phanh sau	Đĩa thông gió
II	**TRANG THIẾT BỊ**	
1	**NGOẠI THẤT**	
1.1	Đèn pha	LED dạng thấu kính
1.2	Hệ thống điều chỉnh độ cao đèn chiếu sáng	Tự động
1.3	Đèn LED chiếu sáng ban ngày LED	Có
2	**NỘI THẤT**	
2.1	Vô lăng và cần số bọc da	Có
2.2	Nút điều khiển âm thanh trên vô lăng	Có
2.3	Chìa khóa thông minh (KOS)	Có
2.4	Khởi động bằng nút bấm (OSS)	Có
2.5	Hệ thống ga tự động	Có
2.6	Phanh tay điện và giữ phanh tự động	Có
2.7	Điều hòa nhiệt độ tự động	Hai vùng độc lập
2.8	Chất liệu ghế	Da
2.9	Ghế tài xế	Chỉnh điện - 8 hướng
2.10	Ghế hành khách trước	Chỉnh tay
2.11	Màn hình hiển thị thông tin	8inch Digital
2.12	Hệ thống âm thanh	Màn hình cảm ứng 8inch Bluetooth/Radio/Android Auto, Apple Carplay
2.13	Số lượng loa	6 loa
3	**AN TOÀN**	
3.1	Túi khí an toàn	03 túi khí
3.2	Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)	Có
3.3	Hệ thống phân phối lực phanh điện tử (EBD)	Có
3.4	Hệ thống trợ lực phanh khẩn cấp (BA)	Có
3.5	Hệ thống cân bằng điện tử & kiểm soát lực kéo (ASTC)	Có
3.6	Hệ thống khởi hành ngang dốc (HSA)	Có
3.7	Hệ thống cảnh báo điểm mù (BSW)	Có
3.8	Hệ thống chống tăng tốc ngoài ý muốn (UMS)	Có
3.9	Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi (RCTA)	Có
3.10	Hệ thống hỗ trợ xuống dốc (HDC)	Có

TT	Nội dung	Thông số kỹ thuật
3.11	Chế độ lựa chọn địa hình off-road	Có
3.12	Chốt cửa tự động	Có